TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2026/HS-ST
Ngày 26-6-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Trung Nam
2. Bà Vũ Thị Phương Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 200/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thu T; sinh ngày 08/8/1988 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: khu phố M, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ni C, sinh năm 1965; bị cáo chưa có chồng con; tiền sự: Không; tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt ngày 14/12/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt tại phiên toà).

2. Phạm Minh T1; sinh ngày 25/5/1989 tại thành phố Hồ Chí Minh; HKTT: Tổ A, ấp T, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Tổ A, khu phố V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Lê Thị M, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là bà Trần Kim Y, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2014; tiền sự: Không; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 23/8/2022 bị Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là TAND khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh) áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn là 15 tháng tại Quyết định số 50/QĐ-TA.

Bị cáo bị bắt ngày 14/12/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Ngãi Giao - Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 00 giờ 30 phút ngày 14/12/2025, Công an phường P tiến hành kiểm tra hành chính phòng trọ của Phạm Minh T1 tại tổ A, khu phố V, phường P, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình kiểm tra phát hiện và thu giữ của T1: 01 gói nylon chứa chất kết tinh không màu, trong suốt dưới tấm lót chân trên nền nhà (T1 khai nhận là ma túy đá), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đồng, số máy: MT612LL/A; số Sê ri: FFWXPY0LKPHJ; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 vỏ chai nước suối bằng nhựa có nắp, trên nắp đã đục 02 lỗ có gắn 01 nồi thủy tinh và 01 ống hút bằng nhựa. Về nguồn gốc ma túy là do T1 mua của Nguyễn Thị Thu T để cất giấu nhằm mục đích sử dụng.

Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Thu T đến Cơ quan Công an trình diện, đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và giao nộp 01 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu, trong suốt.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của T tại tổ G, khu phố M, phường P, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ các đồ vật gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02s, màu đen, số IMEI 1: 352845141814006/01; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nỏ bằng thủy tinh, 01 chai nước và 01 ống hút nhựa; 01 bật lửa; 01 cây kéo kim loại nhỏ: 05 bịch nylon không; 02 đoạn ống hút nhựa hình tròn.

Tại Cơ quan Công an, T1 và T khai nhận: T1 và T là bạn bè xã hội, cả hai đều là người sử dụng trái phép chất ma tuý. Để có ma túy sử dụng và có tiền tiêu xài T nảy sinh ý định mua bán trái phép chất ma túy giúp cho Trần Văn C1 (sinh năm: 1978; nơi thường trú: khu phố M, phường P, thành phố Hồ Chí Minh). Trong khoảng thời gian từ ngày 02/12/2025 đến ngày 06/12/2025, T đã bán trái phép ma tuý cho T1 03 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 02/12/2025, T1 liên lạc với T qua ứng dụng Z hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, T1 chuyển tiền thanh toán qua số tài khoản 1023078542 – Ngân hàng V đến số tài khoản 105870311260 – Ngân hàng V1 do Trần Văn C1 đứng tên theo yêu cầu của T hai lần, mỗi lần 1.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T1 đến nhà của T tại khu phố M, phường P, thành phố Hồ Chí Minh để lấy ma túy rồi đem về phòng trọ tại tổ A, khu phố V, phường P, thành phố Hồ Chí Minh cất giấu và sử dụng một mình cho đến hết.

- Lần thứ hai: Ngày 04/12/2025, T1 tiếp tục liên hệ với T mua 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng, T đồng ý. Sau khi chuyển tiền vào số tài khoản của Trần Văn C1, T1 đến nhà T để nhận ma tuý và đem về phòng trọ sử dụng một mình cho đến hết.

- Lần thứ ba: Sáng ngày 06/12/2025, T1 liên lạc với T mua 01 gói ma túy đá với giá 3.500.000 đồng, T đồng ý. Sau khi chuyển tiền, T1 đến nhà T để nhận ma tuý. Có được ma túy, T1 đem về phòng trọ cất giấu sử dụng dần đến ngày 14/12/2025 thì bị Cơ quan Công an phát hiện, thu giữ 01 gói nylon được hàn kín, bên trong chứa chất kết tinh không màu, trong suốt.

Cơ quan CSĐT Công an thành phố H tiến hành test nhanh chất ma tuý, kết quả: Phạm Minh T1 và Nguyễn Thị Thu T đều dương tính với ma túy.

Tại Bản kết luận giám định số 11984/KL-KTHS ngày 19/12/2025 của Phòng K (PC09) - Công an thành phố H, kết luận:

+ Mẫu gửi giám định 01 (một) gói nylon chứa chất kết tinh không màu, trong suốt (ký hiệu mẫu A1) thu giữ của Phạm Minh T1 có khối lượng 0,5004 gam, là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 64/KL-KTHS ngày 17/12/2025 của Phòng thuật hình sự (PC09) - Công an thành phố H, kết luận:

+ Mẫu gửi giám định 01 (một) gói nylon chứa chất kết tinh không màu, trong suốt (ký hiệu mẫu A) thu giữ của Nguyễn Thị Thu T có khối lượng 0,5775 gam, là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

- Vật chứng thu giữ và xử lý: Đối với 02 phong bì màu trắng được niêm phong; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đồng, số máy: MT612LL/A; số Sê ri: FFWXPY0LKPHJ; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 vỏ chai nước suối bằng nhựa có nắp, trên nắp đã đục 02 lỗ có gắn 01 nồi thủy tinh và 01 ống hút bằng nhựa; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02s, màu đen, số IMEI 1: 352845141814006/01; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nỏ bằng thủy tinh, 01 chai nước và 01 ống hút nhựa; 01 bật lửa; 01 cây kéo kim loại nhỏ; 05 bịch nylon không; 02 đoạn ống hút nhựa hình tròn. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định chuyển vật chứng trên đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 thành phố Hồ Chí Minh bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT-VKS ngày 03/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Nguyễn Thị Thu T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và Phạm Minh T1 về tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Phạm Minh T1 phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T mức án từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Minh T1 mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đồng, số máy: MT612LL/A; số Sê ri: FFWXPY0LKPHJ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02s, màu đen, số IMEI 1: 352845141814006/01 do liên quan đến hành vi phạm tội.

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì màu trắng được niêm phong; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 vỏ chai nước suối bằng nhựa có nắp, trên nắp đã đục 02 lỗ có gắn 01 nồi thủy tinh và 01 ống hút bằng nhựa; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nỏ bằng thủy tinh, 01 chai nước và 01 ống hút nhựa; 01 bật lửa; 01 cây kéo kim loại nhỏ; 05 bịch nylon không; 02 đoạn ống hút nhựa hình tròn: là các công cụ dùng để sử dụng ma túy, bao bì chứa ma túy và không còn giá trị sử dụng theo quy định pháp luật.

Truy thu số tiền 6.500.000 đồng của bị cáo T là tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy.

Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như sau:

Đối với hành vi của Nguyễn Thị Thu T:

Các ngày 02/12/2025, 04/12/2025 và 06/12/2025, tại tổ G khu phố M, phường P, thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Thu T đã bán trái phép chất ma túy ba lần cho Phạm Minh T1, cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 02/12/2025, T bán cho T1 01 gói ma tuý với giá 2.000.000 đồng.

+ Lần 2: Ngày 04/12/2025, T bán cho T1 01 gói ma tuý với giá 1.000.000 đồng.

+ Lần 3: Ngày 06/12/2025, T bán cho T1 01 gói ma tuý với giá 3.500.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý xác định hành vi của Nguyễn Thị Thu T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

Đối với hành vi của Phạm Minh T1:

Tại tổ A, khu phố V, phường P, thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Văn T2 đã có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy, loại Methamphetamine có khối lượng 0,5004 gam nhằm mục đích sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý xác định hành vi của Phạm Minh T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[3.1]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[3.2]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó cần áp dụng quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Riêng đối với bị cáo T đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3.3]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo và mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý độc quyền các chất gây nghiện, gây mất trật tự an toàn xã hội, làm nguy cơ phát sinh nhiều tội phạm khác.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T, bị cáo là công dân đã trưởng thành, ý thức được hành vi mua bán trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, để có ma túy sử dụng, bị cáo đã giúp sức cho Trần Văn C1 bán trái phép chất ma túy cho T1.

Đối với bị cáo T1, bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ý thức được hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý là vi

phạm pháp luật nhưng vì thoả mãn nhu cầu sử dụng trái phép chất ma tuý của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện.

Do đó, đối với các bị cáo cần xem xét mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với 02 phong bì màu trắng được niêm phong; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nỏ bằng thủy tinh, 01 chai nước, 01 ống hút nhựa, 01 bật lửa, 01 cây kéo kim loại nhỏ, 05 bịch nylon không, 02 đoạn ống hút nhựa hình tròn không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đồng, số máy: MT612LL/A, số Sê ri: FFWXPY0LKPHJ của Phạm Minh T1, bị cáo sử dụng để liên hệ mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02s, màu đen, số IMEI 1: 352845141814006/01 của Nguyễn Thị Thu T sử dụng vào mục đích mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước;

[7]. Về tiền thu lợi bất chính: Truy thu số tiền 6.500.000 đồng của bị cáo T là tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy để nộp Ngân sách Nhà nước.

[8]. Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý của Phạm Minh T1 và Nguyễn Thị Thu T: Trinh, T1 không thuộc các trường hợp đang cai nghiện, quản lý sau cai nghiện hoặc đang điều trị nghiện các chất ma túy nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Đối với đối tượng Trần Văn C1, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh đối tượng C1 không có mặt tại địa phương. Ngày 03/3/2026, Cơ quan CSĐT ra Quyết định truy tìm người số: 2997/QĐ-CSMT đối với đối tượng Trần Văn C1 đến nay vẫn chưa xác định C1 hiện đang ở đâu. Cơ quan CSĐT ban hành Quyết định tách hành vi, tài liệu của Trần Văn C1 để tiếp tục truy tìm, xác minh, điều tra làm rõ và đề nghị xử lý sau.

[9]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Phạm Minh T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

1. Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Nguyễn Thị Thu T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2025.

2. Áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt Phạm Minh T1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/12/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu đồng, số máy: MT612LL/A, số Sê ri: FFWXPY0LKPHJ của Phạm Minh T1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A02s, màu đen, số IMEI 1: 352845141814006/01 của Nguyễn Thị Thu T;

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì màu trắng được niêm phong; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 nỏ bằng thủy tinh, 01 chai nước, 01 ống hút nhựa, 01 bật lửa, 01 cây kéo kim loại nhỏ, 05 bịch nylon không, 02 đoạn ống hút nhựa hình tròn.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 185/BB –THADS (12) ngày 04/6/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12).

4. Về tiền thu lợi bất chính: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Buộc Nguyễn Thị Thu T nộp số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc Nguyễn Thị Thu T, Phạm Minh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thu Hiền